TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/DS-ST
Ngày 30 - 10 - 2018
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Trần Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 365/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vưu Thị Bé T, sinh năm 1953; cư trú tai: Ấp TH A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lương Hoàng L; cư trú tại: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Vưu Minh T1, sinh năm 1963; Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Vưu Thị Bé T trình bày:

Vào năm 2008, giữa bà với ông Vưu Minh T1 có phát sinh tranh chấp hụi. Bởi vì, ông T1 tham gia chơi hụi và thiếu tiền hụi của bà với số tiền 15.500.000đ, cụ thể: Dây hụi mở ngày 25/9/2003, loại hụi 300.000đ, 01 tháng khui một lần, dây hụi gồm 39 chưng, ông T1 tham gia 02 chưng. 02 chưng hụi này đã mãn, nhưng ông T1 còn nợ bà số tiền 15.500.000đ.

Khi đó, ông Lương Hoàng L có nợ hụi ông T1 số tiền 15.308.000đ và do ông L có quen biết với bà, nên 03 người thỏa thuận cấn trừ nợ với nhau. Vì vậy, vào khoảng giữa năm 2007 cả 03 người có nhờ chính quyền ấp TL A hòa giải và đi đến thống nhất là ông L đồng ý trả 15.308.000đ cho bà, còn ông T1 phải trả tiếp 192.000đ cho bà. Sau đó, ông L có làm giấy biên nhận nợ với bà. Đồng thời, tại phiên hòa giải ông L cam kết mỗi tháng trả cho bà 1.000.000đ, nhưng tháng đầu chỉ trả 500.000đ, trả cho đến khi hết số tiền 15.308.000đ.

Sau khi hòa giải, nhiều lần bà đến nhà ông L để đòi nợ, nhưng ông L cố tình không trả, mà còn thách thức bà đi kiện. Nay bà yêu cầu ông L phải trả cho bà số tiền 15.308.000đ.

Ông Vưu Minh T1 trình bày:

Vào năm 2008 ông L có nợ ông số tiền hụi là 15.308.000đ và ông có yêu cầu chính quyền ấp TL A giải quyết. Tại buổi hòa giải ông L thừa nhận có nợ ông số tiền 15.308.000đ và ông L đồng ý trả số tiền đó cho bà Vưu Thị Bé T. Sau khi giao kết thì ông không còn đòi ông L số tiền 15.308.000đ nữa.

Tại phiên tòa: Bà T vẫn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Vưu Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ông Lương Hoàng L trả số tiền 15.308.000đ theo thỏa thuận giữa bà với ông Vưu Minh T1 và ông L là vụ kiện tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L, nhưng tại phiên tòa ông L vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Đối với ông Vưu Minh T1 có đơn xin từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L và ông T1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Tư, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ việc ông T1 nợ tiền hụi của bà T với số tiền 15.500.000đ, còn ông L nợ tiền hụi của ông T1 với số tiền 15.308.000đ, nên các đương sự có yêu cầu chính quyền ấp TL A hòa giải. Tại buổi hòa giải, bà T, ông T1 và ông L thỏa thuận về hình thức, phương thức trả tiền, cụ thể: Ông L đồng ý trả 15.308.000đ cho bà T, còn ông T phải trả tiếp 192.000đ cho bà T; mỗi tháng ông L trả cho bà Tư 1.000.000đ, nhưng tháng đầu chỉ trả 500.000đ, trả cho đến khi hết số tiền 15.308.000đ. Tuy nhiên, sau khi thỏa thuận thì ông T1 không còn đòi tiền đối với ông L, nhưng ông L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời trình bày của bà T, ông T1 phù hợp với "Biên bản về việc tranh chấp tiền hụi, họ" của Tổ hòa giải ấp TL A, xã TT, huyện ĐD

ngày 21/5/2015. Còn đối với ông L thì tại biên bản về việc người được tống đạt từ chối nhận văn bản tố tụng của Văn phòng Thừa Phát Lại Cà Mau ngày 31/8/2018 ông có ý kiến bà T kiện ông không đúng. Như vậy, nội dung khởi kiện của bà T thì ông L đã biết, nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa bà T, ông T1 và ông L có thỏa thuận về hình thức, phương thức thanh toán các khoản tiền nợ hụi nêu trên là thực tế có xãy ra.

[5] Theo khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định "*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*". Đối chiếu với điều luật nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng ông L đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn, phương thức trả tiền cho bà T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông L phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 15.308.000đ.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: 15.308.000đ x 5% = 765.400đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vưu Thị Bé T. Buộc ông Lương Hoàng L phải có nghĩa vụ trả cho bà Vưu Thị Bé T số tiền 15.308.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm lẽ tám ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bà Vưu Thị Bé T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lương Hoàng L chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông L còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 765.400 đồng (bảy trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Văn **Nguyễn Văn Hiển** **Trương Minh Thịnh**